

**TIỂU SỬ TÓM TẮT
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẦN LÂM
NHIỆM KỲ 2026-2031**



1. Họ và tên thường dùng: **PHẠM ĐỨC NHUỆ**
2. Họ và tên khai sinh: **PHẠM ĐỨC NHUỆ**
Các bí danh/tên gọi khác (nếu có): Không
3. Ngày, tháng, năm sinh: 07/05/1957 4. Giới tính: Nam
5. Quốc tịch: Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác
6. Nơi đăng ký khai sinh: Thôn Quân Bạch, xã Tây Phong, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.
7. Quê quán: xã Tây Phong, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình (Nay là Xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên)
8. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 10 - Kỳ Bá, phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên.
Nơi ở hiện nay: Số 295, đường số 4, Tổ 10 - Kỳ Bá, phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên.
9. Số Căn cước: 034xxxxxx702
Ngày cấp: 09/01/2022 Cơ quan cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
10. Dân tộc: 11. Tôn giáo:
12. Trình độ:
- Giáo dục phổ thông: 10/10 phổ thông - Chuyên môn, nghiệp vụ: Đại học Quân sự
- Học vị: Học hàm:
- Lý luận chính trị: Trung cấp - Ngoại ngữ:
13. Nghề nghiệp hiện nay: Hưu trí
14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác:
15. Nơi công tác:
16. Ngày vào Đảng: 22/03/1979.
- Ngày chính thức: 22/ 09/1979 ; Số thẻ đảng viên 034xxxxxx702
- Chức vụ trong Đảng: Bí thư Chi bộ. - Ngày ra khỏi Đảng (nếu có) Lý do ra khỏi Đảng:
17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể: Ban công tác Mặt trận.
- Tên tổ chức đoàn thể: Ban công tác Mặt trận, Hội CCB
- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể: Trưởng ban công tác Mặt trận.
18. Tình trạng sức khỏe: Tốt
19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: 01 Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng 3; 03 Huân chương chiến công hạng 1, 2, 3; 01 Huy chương Quân kỳ quyết thắng; 01 Huy chương chiến sỹ vẻ vang 1, 2, 3; 05 Bằng khen Quân khu.
20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không bị kỷ luật, không có án tích.
21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có):
22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có): nhiệm kỳ

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ 05/1957 - Đến 7 / 1977	Sinh ra lớn lên học cấp I, cấp II, cấp III, tham gia công tác đoàn, dân quân xã Tây Phong, huyện Tiên Hải.
Từ 7 / 1977 - Đến 12/1980	Nhập ngũ, huấn luyện chiến sỹ mới , d2, f 341 QĐ4 b2 – 1/, cs-ct c16/ e270 / f341/ QĐ4 chiến đấu bảo vệ biên giới và làm nhiệm vụ quốc tế tại Campuchia
Từ 12/1980 - Đến 12/1987	2/ - 4/ ct c16, TLPK, e270/ f341, Học viên TQS, QK4.
Từ 12/1987 - Đến 6/1991	pdt d5/e270/ f341; huấn luyện xây dựng đơn vị.
Từ 6/1991 - Đến 12/2000	1// - 2// dt, ptmt, d3/d273, f341/QK4 học viên học viện, học viện Lục quân
Từ 12/2000 - Đến 05/2004	2// - 3//, pet – et, 273/f341, e3/f324 QK4 Phó bí thư Đảng ủy Trung đoàn.
Từ 5/2004 - Đến 5/2015	3// - 4// Phó đoàn trưởng đoàn kinh tế QP5/QK4 (biên giới Việt Lào), Ủy viên thường vụ Đảng ủy Đoàn.
Từ 5/2015	Nghỉ hưu
Từ 9/2015 – 12/2020	Bí thư chi bộ, Trưởng ban CTMT tổ 50 phường Kỳ Bá.
Từ 12/2024 – 2026	Bí thư chi bộ, Trưởng ban CTMT tổ số 10 Kỳ Bá, phường Trần Lâm.

Trần Lâm, ngày 01 tháng 01 năm 2026

Ký tên

Phạm Đức Nhuệ